|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT CƯ KUIN  TRƯỜNG TH PHẠM HỒNG THÁI  Số 12/KH-NT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  *Ea Bhôk, ngày 14 tháng 10 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

1. **CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐBGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 10/8/2024 về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đăk lăk;

Căn cứ công văn 228/PGDĐT- GDTH ngày 4/8/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ công văn số 253/PGDĐT-CMTH ngày 03/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Kuin về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số /PGDĐT-CMTH ngày của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Kuin về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đối vói giáo dục dân tộc;

Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

II. **ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. **Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Trường TH Phạm Hồng Thái, thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học trên địa bàn Buôn Ea Khit, Buôn Ea Kma và buôn Kõ Êmông, xã Ea Bhôk huyện Cư Kuin. Đây là địa phương có 99,8% dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số. Đa số cộng đồng dân cư có sự ủng hộ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Là địa bàn dân cư thuần nông, kinh tế khó khăn phụ thuộc vào trồng cấy theo mùa vụ nên việc huy động các nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động của nhà trường còn hạn chế. Hệ thống giao thông chưa thực sự được thuận tiện. Mặt bằng dân trí chưa đồng đều. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến điều kiện thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của nhà trường

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025.**

*2.1. Đặc điểm tình hình học sinh của nhà trường*

Tổng số học sinh 708 em, với TS lớp: 21, tỷ lệ 33,7 HS/lớp; cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối** | **TS lớp** | **TSHS** | **Nữ** | **Dtộc** | **Nữ DT** | **HS học 7-8b/tuần** | **HS k/tật** | **HS hộ nghèo** | **Tỉ lệ**  **HS/lớp** |
| 1 | I | 5 | 167 | 107 | 159 | 101 | 167 | 01 | 21 | 33,4 |
| 2 | II | 4 | 140 | 60 | 139 | 59 | 140 | 0 | 9 | 35 |
| 3 | III | 4 | 139 | 68 | 136 | 66 | 139 | 0 | 9 | 34,7 |
| 4 | IV | 4 | 136 | 68 | 134 | 66 | 136 | 0 | 10 | 34 |
| 5 | V | 4 | 126 | 71 | 125 | 70 | 126 | 0 | 3 | 31,5 |
| **Tổng** | | **21** | **708** | **374** | **693** | **362** | **708** | **01** | **52** | **33,7** |

*2.2. Tình hình CBQL, GV và nhân viên*

Tổng số CBQLGVNV 40, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 đ/c, đủ số lượng theo quy định, CBQL nhà trường nhiệt tình, năng động, linh hoạt trong công tác quản lý; hằng năm, được tập thể đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Giáo viên 30 đ/c, trong đó có 22 giáo viên dạy tiểu học và 08 giáo viên dạy bộ môn; GVTPT Đội (Giáo viên dạy Mĩ thuật kiêm nhiệm); có 20 (66,7%) giáo viên có trình độ đào tạo đại học sư phạm; có nhiều giáo viên đạt danh hiệu GVDG, GVCN giỏi cấp huyện. Nhân viên 07 đ/c, đủ theo vị trí việc làm, có trình độ đào tạo đạt chuẩn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhân sự** | **TS** | **Nữ** | **Dtộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Tỷ lệ**  **GV/lớp** | **Ghi chú** |
| **Trên đại học** | **Đại học** | **Dưới đại học** |
| 1 | CBQL | 3 | 2 | 0 | 0 | 02 | 1 |  |  |
| 2 | GV | 30 | 24 | 04 | 0 | 20 | 10 | 1,43 | 02 GV Nghỉ hưu vào tháng 11 và tháng 12 năm 2024. |
| 3 | TPT | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |
| 4 | NV | 7 | 4 | 2 | 0 | 1 | 4 |  | 2 BV chưa qua đào tạo |
| Tổng | | 40 | 30 | 6 | 0 | 23 | 17 |  |  |

***(Thiếu 03 GV so với thông tư 20)***

*2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.*

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường hiện có 25 phòng học văn hóa, 01 phòng học bộ môn và 01 phòng TBDH, thư viện dùng chung; có cổng tường rào kiên cố; sân bê tông sạch sẽ. TBDH có: 01 máy chiếu, 15 ti vi, 14 máy vi tính để bàn sử dụng cho dạy và học, 6 máy tính xách tay phục vụ cho công tác nhà trường, đồ dùng dạy học; SGK; tài liệu tham khảo đủ theo danh mục quy định, cơ bản đáp ứng cho các hoạt động dạy và học.

Chưa có phòng hiệu bộ, phòng học bộ môn, sân GDTC, nhà đa năng… phục vụ cho các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; các phương tiện dạy học khác và dạy môn tin học chưa đầy đủ.

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

1. **Mục tiêu chung**

Năm học 2024-2025, là năm học thứ năm thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 . Nhiệm vụ đề ra là thay đổi sách giáo khoa, nội dung, phương pháp dạy học ở các lớp và thay đổi phương pháp, hình thức dạy học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất người học. Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lí gắn với trách nhiệm trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và viên chức quản lí; tham mưu bổ sung giáo viên tiểu học; bồi dưỡng và tự bồi dưỡng phấn đấu đáp ứng cơ bản giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT 2018.

- Tăng cường kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, đẩy mạnh chuyển đổi số.

- Tham nưu xây dựng sữa chữa tường rào, sân chơi, nhà vệ sinh, mua sắm thiết bị dạy học; từng bước hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo lộ trình nâng chuẩn năm 2025 theo kế hoạch của UBND huyện.

- Đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp 1.

Duy trì sĩ số 708 HS/21 lớp; 100% học sinh đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, không có học sinh bỏ học.

100% học sinh học 7-8 buổi/tuần, 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất;

100% Học sinh khối 3,4,5 được học Tin học, Tiếng Anh; 100% HS được hình thành phát triển đầy đủ ba năng lực, bốn phẩm chất.

100% học sinh lớp 1,2,3 được tăng cường tiếng Việt 2 tiết/tuần và học sinh lớp 4,5 được tăng cường lồng ghép trong các môn học; được tham gia các hoạt động trải nghiệm- giáo dục tập thể (NGLL), được tiếp cận với giáo dục STEM theo hình thức lớp/nhóm lớp hoặc cả trường.

Học sinh hoàn thành Chương trình lớp học đạt từ: 95- 98%.

Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

\* Đánh giá học sinh theo TT27/2020/BGDĐT

**Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số học sinh** | **Mức độ đạt** | **Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu** | | | | | **Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực** | |
|  |  |  | **Yêu nước** | **Nhân ái** | **Chăm chỉ** | **Trung thực** | **Trách nhiệm** | **Năng lực chung** | **Năng lực đặc thù** |
| 1 | **167** | Tốt | 50 | 50 | 50 | 50 | 50 | 50 | 50 |
| Đạt | 117 | 109 | 109 | 109 | 109 | 109 | 109 |
| Ccg | 0 | 0 | 08 | 08 | 08 | 08 | 08 |
| 2 | **140** | Tốt | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 |
| Đạt | 98 | 98 | 92 | 92 | 92 | 92 | 92 |
| Ccg | 0 | 0 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| 3 | **139** | Tốt | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 | 42 |
| Đạt | 97 | 97 | 91 | 91 | 91 | 91 | 91 |
| Ccg | 0 | 0 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 4 | **136** | Tốt | 41 | 41 | 41 | 41 | 41 | 41 | 41 |
| Đạt | 95 | 95 | 91 | 91 | 91 | 91 | 91 |
| Ccg | 0 | 0 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 5 | **126** | Tốt | 38 | 38 | 38 | 38 | 38 | 38 | 38 |
| Đạt | 88 | 88 | 88 | 88 | 88 | 88 | 88 |
| Ccg | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**Kết quả giáo dục cuối năm học cụ thể**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Sĩ số** | **Đánh giá kết quả giáo dục học sinh** | | | | | | **Đánh giá cuối năm về nội dung học tập các môn học và HĐGD** | | | |
| **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | | **Hoàn thành CTLH** | | **Chưa HT CTLH** | | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 1 | **167** | 33 | 20 | 126 | 75 | 8 | 5 | 159 | 95 | 8 | 5 | |
| 2 | **140** | 28 | 20 | 106 | 76 | 6 | 4 | 134 | 96 | 6 | 4 | |
| 3 | **139** | 28 | 20 | 107 | 77 | 4 | 3 | 135 | 97 | 4 | 3 | |
| 4 | **136** | 27 | 20 | 105 | 77 | 4 | 3 | 132 | 97 | 4 | 3 | |
| 5 | **126** | 25 | 20 | 101 | 80 | 0 | 0 | 126 | 100 | 0 | 0 | |
|  | **708** | **141** | **20** | **545** | **76,9** | **22** | **3,1** | **686** | **96,9** | **22** | **3,1** | |

***\* Khen thưởng cuối năm học***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Sĩ số** | **Số HS được khen thưởng cấp trường** | | | | **HS được khen thưởng cấp trên** | | | | | |
| **HS xuất sắc**  **(HS Hoàn thành xuất sắc các ND học tập và rèn luyện)** | | **Học sinh Tiêu biểu**  **(HS có thành tích vượt trội, tiến bộ ít nhất một môn học…)** | | **Cấp huyện** | | **Cấp tỉnh** | | **Cấp quốc gia** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | **167** | 8 | 5% | 25 | 15% |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **140** | 7 | 5% | 21 | 15% |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **139** | 7 | 5% | 21 | 15% |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **136** | 7 | 5% | 20 | 15% |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **126** | 6 | 5% | 19 | 15% |  |  |  |  |  |  |
| TC | **708** | **35** | 5% | **106** | 15% |  |  |  |  |  |  |

Tham gia đầy đủ, nghiêm túc và có kết quả tại các hội thi, hội giao lưu của Ngành Giáo dục tiểu học do các cấp tổ chức, như: Tiếng Anh trên mạng internet, Trạng nguyên tiếng Việt, toán tuổi thơ, giai điệu tuổi hồng... Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm cho 708 HS (trong điều kiện có thể) đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

**\*Kế hoạch điểm trường**

+ Buôn EaKma

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS lớp** | **TS học sinh** | **Nữ** | **DT** | **NDT** |
| I | 1 | 33 | 20 | 30 | 18 |
| II | 1 | 30 | 13 | 29 | 13 |
| III | 1 | 26 | 11 | 24 | 10 |
| IV | 1 | 24 | 10 | 23 | 9 |
| V | 1 | 24 | 10 | 24 | 10 |
| **Tổng** | **5** | **137** | **64** | **130** | **60** |

+ Buôn Kmông

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TS lớp** | **TS học sinh** | **Nữ** | **DT** | **NDT** |
| I | 1 | 36 | 28 | 36 | 28 |
| II | 1 | 38 | 16 | 38 | 16 |
| III | 1 | 30 | 19 | 30 | 19 |
| IV | 1 | 28 | 14 | 28 | 14 |
| **Tổng** | **4** | **132** | **77** | **132** | **77** |

Do đặc tù đối tượng HS của 3 điểm trường là như nhau gần 100% học sinh là DTTS nên chỉ tiêu GD nhà trường thống nhất chỉ tiêu chung toàn trường, không xây dựng chỉ tiêu riêng cho từng điểm trường.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HĐGD TRONG NĂM HỌC**

Thực hiện nghiêm túc các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, Cụ thể:

- Môn học và HĐGD bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên - Xã Hội, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Giáo dục thể chất, Tiếng Anh (đối với lớp 3,4,5), Tin học- Công nghệ (đối với lớp 3,4,5), Lịch sử- Địa lý, Khoa học (đối với lớp 4,5); HĐTN (Chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp cuối tuần và Hoạt động trải nghiệm).

- Môn học tự chọn: (không)

- Môn học và các nội dung tăng cường: Tiếng Việt và Toán, Trải nghiệm, GD địa phương, ATGT, TLHĐ, BTĐV, ANQP, GD Stem, giáo dục dinh dưỡng…

**1. Phân phối thời lượng các môn học và HĐGD** *(Phụ lục 1.1 kèm theo)*

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

*Các HĐGD tập thể thực hiện trong năm học**(Phụ lục 1.2 kèm theo)*

*Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu người học (Không).*

**3.****Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và KHDH các môn học HĐGD.**

*3.1. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025*

Thực hiện Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 10/8/2024 của UBND tỉnh Đăk Lăk về Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh, như sau:

- Ngày tựu trường: ngày 22/8/2024 với lớp 1, ngày 29/8/2024 với lớp 2-5:

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2024 kết thúc trước ngày 18/01/2025 (18 tuần).

- Học kỳ II: Bắt đầu ngày 20/01/2025 kết thúc ngày 25/5/2025 (17 tuần).

- Ngày kết thúc năm học: trước 31/5/2024.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học trên nguyên tắc dạy bù đủ các tiết học bắt buộc.

*3.2. KHDH các môn học HĐGD*

Toàn trường thực hiện kế hoạch giáo dục trên cơ sở hướng dẫn của Ngành, và điều kiện thực tế của đơn vị. KHDH được xây dựng được cụ thể ở từng kỳ, tháng để thích ứng trạng thái dạy học phù hợp với tình hình thực tế (*phụ lục 1.4, phụ lục 2 của các TCM kèm theo)*

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học** *(trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)*

Tiếp tục tham mưu xây dựng CSVC: Sữa chữa sân trường, tường rào, sơn sữa 7 phòng học tại điểm trường buôn EaKhit. …. phát huy hiệu quả sử dụng của hệ thống phòng học, phòng làm việc, sắp xếp hệ thống phụ trợ, quy hoạch tôn tạo bồn hoa, vườn trường, trang trí các vị trí CSVC trường học.

Trang bị đồ dùng dạy học cho các lớp, theo Thông tư 37/TT-BGDĐT. Khuyến khích GV làm thêm ĐDDH phục vụ hoạt động dạy học của cá nhân.

**2. Thực hiện công tác đội ngũ (***số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, …)*

*2.1. Về số lượng*: Tham mưu với các cấp quản lý trong việc bổ sung đủ biên chế theo quy định (1,5 GV x 21 lớp + 1 TPTĐ= 33GV).

Năm 2024 chỉ tiêu biên chế giao của UBND huyện là 40 trong đó GV 30, thiếu só với yêu cầu là 3GV.

Tham mưu bổ sung GV để tổ chức dạy học môn tiếng Ê đê.

*2.2. Về chất lượng*:

Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên bằng nhiều hình thức. Chú trọng việc thực hiện nội dung dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, học thông qua chơi từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng công nghệ AI trong quá trinh dạy học

*2.3. Về trình độ đào tạo - chuẩn nghề nghiệp*

Khuyến khích đội ngũ tự bồi dưỡng nâng cao trình độ CMNV của bản thân. Khuyến khích CBGVNV tự tham gia đào tạo trên đại học.

*2.4. Chỉ tiêu chung*

Công tác giáo dục đạo đức- tư tưởng chính trị: 100% CC-VC-NLĐ tham gia thực hiện tốt Chỉ thị 05/CT-TW; cuộc vận động “Hai không” với bốn nội dung và các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

100% VC-NLĐ xác định tốt nhiệm vụ, yên tâm công tác, có ý thức tự học tự rèn và có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Công tác chuyên môn: 100% VC-NLĐ chấp hành tốt nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các hoạt động do trường và ngành đề ra; thực hiện đúng quy chế chuyên môn.

Sinh hoạt chuyên môn NCBH: 01 môn/lần

01 TCM thực hiện 01 chủ đề liên môn theo hướng GD Stem, mỗi GV dạy 3 bài Stem/học kì.

100% CBQL, GV ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý, dạy và học.

100% giáo viên tham gia và khai thác VNedu, trang trường học kết nối, phần mềm trực tuyến, hành trang số để phục vụ hoạt động tự bồi dưỡng, tìm tư liệu dạy học.

100% GV tham gia nghiêm túc và có kết quả các hội thi, giao lưu dành cho CBQL, GV, NV do các cấp phát động.

Đánh giá - Xếp loại cuối năm:

Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, Đạt loại Tốt: 03 người. Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông: Loại Tốt: từ 20 GV trở lên, Loại Khá: số còn lại.

Xếp loại nhân viên theo theo Nghị định số 29/2012/NĐ- CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ: Loại Tốt: 03, Loại Khá: 04.

- Khen thưởng: CSTĐ 04, LĐTT 25, giấy khen của UBND huyện 04; Tập thể: Tập thể Lao động Tiên tiến.

**3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

Thực hiện nghiêm túc quy chế sinh hoạt chuyên môn theo quy định 1lần/ tháng/toàn trường, 2 lần/tháng/TCM; chú trọng sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đảm bảo nghiên cứu đủ các môn học và HĐGD của từng khối lớp và 01 chủ đề giáo dục Stem. Tham gia tích cực vào SHCM, hội thảo chuyên môn cụm trường, huyện...

Tổ chức SHCM, hướng dẫn các TCM thảo luận để giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân, KHGD của TCM, tham gia xây dựng KHGD của nhà trường; thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề dạy áp dụng PPDH-KTDH tích cực như học thông qua chơi, “bàn tay nặn bột”, “khăn trải bàn”, “ổ bi”,…; tổ chức các giờ học theo hướng thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện; thực hiện dạy học theo chủ đề, liên môn, Stem.

**4.** **Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống**

Thực hiện dạy học gắn lí thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh theo hướng giáo dục Stem. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống Covid-19, HIV/AIDS, giáo dục dinh dưỡng…

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học. Giáo dục ý thức vệ sinh cá nhân và trang bị cho học sinh các kỹ năng phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và gia đình, cộng đồng.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với văn hóa địa phương một cách thiết thực, chú trọng dạy học theo bộ tài liệu giáo dục địa phương một cách nghiêm túc.

Triển khai thực hiện dạy học tài liệu địa phương lớp 1 đã được Bộ GDĐT phê duyệt theo Công văn 67/SGDĐT-GDTH ngày 18/1/2022 về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương Đăk Lăk lớp 1 và Công văn 2016/SGDĐT-GDTH ngày 2/12/2022 về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương Đăk Lăk lớp 2,3.

Lớp 4 thực hiện mạch nội dung giáo dục địa phương theo Quyết định số 1283/QĐ-BGDĐT ngày 26/4/2024 của Bộ GDĐT, quyết định phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đăk Lăk.

Lớp 5 tiếp tục thực hiện dạy học tài liệu địa phương theo Quyết định số 558/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018 về việc hướng dẫn dạy học tài liệu địa phương trong trường phổ thông.

Các nội dung lồng ghép, tích hợp, vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm, linh hoạt phù hoạp với tâm sinh lý học sinh và tình hình thực tế của nhà trường

Phát triển văn hóa đọc bằng cách khai thác sử dụng có hiệu quả thư viện- phòng đọc của trường, thư viện di động sân trường, phát huy hiệu quả của các câu lạc bộ trong trường.

5.  **Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh**

Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGD ĐT Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất, các năng lực cốt lõi (3 năng lục chung và 7 năng lực đặc thù). Chú ý đến đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

Nhà trường, Tổ CM tự nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ dựa trên năng lực người học. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ Chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm bảo yêu cầu theo các mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo từng khối lớp.

CBQL, tổ trưởng chuyên môn thông qua dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào, mức độ vận dụng kiến thức vào thực tế để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn; thúc đẩy sự tiến bộ về năng lực và phẩm chất của học sinh.

Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

**6**. **Tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể (HĐTN-NGLL)**

Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDTT, HĐTN theo chủ điểm của từng tháng trong hoặc ngoài nhà trường cho học sinh toàn trường.

Tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2424/QĐ- UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch “Tăng cường giáo dục kỹ năng sống trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”. Tổ chức các loại hình hoạt động GDTT, gồm:

Sinh hoạt dưới cờ gồm hoạt động nghi lễ và các hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường, nói chuyện truyền cảm hứng; truyền thông các vấn đề xã hội như tuyên truyền các dịch bệnh, tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng.

Sinh hoạt lớp gồm tổ chức các hoạt động hành chính, sinh hoạt lớp sinh hoạt lớp theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt lớp hàng tuần, các hoạt động chung của tập thể lớp (tham quan, thi đua học tập giữa các tổ học sinh...). Ngoài ra có thể tổ chức các hoạt động truyền thông, các thông điệp; triển khai các phong trào của nhà trường.

Tổ chức các hoạt động GDTT thường xuyên và hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ. Hình thức tổ chức sinh hoạt thường xuyên được thực hiện đều đặn từng tuần, thực hiện ở trường và cả ở nhà với nhiệm vụ trải nghiệm được giao như nhau đến từng học sinh.

Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: các hội thao, hội thi, các cuộc thi văn hoá- văn nghệ của học sinh. Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; Làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học. Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo trực tiếp việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ thu - chi các nguồn tài chính đảm bảo đáp ứng cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đã đề ra.

**2. Phó Hiệu trưởng**

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 8 buổi/tuần - 29 tiết, thời khóa biểu phải đảm bảo khoa học, ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục, nhân sự.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động GDTT; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác chuyên môn, thư viện, thiết bị GD.

**3. Tổ trưởng tổ chuyên môn**

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD của tổ khối lớp.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định, tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học các môn học và HĐGD; việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp dạy.

Thực hiện công tác thăm lớp, dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn, BDTX theo sự phân công.

Tổng hợp báo các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

Tổ chức các hoạt động GDNGLL, HĐTN, các hoạt động khác.

**4. Tổng phụ trách Đội**

Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi tăng cường trải nghiệm cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả.

Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động Đội của nhà trường. Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.Chịu trách nhiệm thực hiện công tác tuyên truyền của Liên đội, công tác tuyên tuyền về phòng chống PCCC, dịch bệnh, an toàn trong trường học.

Tham gia các nhiệm vụ khác do nhà trường, đoàn thể phân công điều động.

**5. Giáo viên chủ nhiệm- GV phụ trách môn học.**

Chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, các tổ chức đoàn thể; thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy.

Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy. Thực hiện đánh giá và cập nhật đánh giá học sinh đúng, kịp thời, chính xác lên hệ thống và báo cáo với CMHS đúng quy định.

Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong và ngoài nhà trường.

Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tố chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

Chịu trách nhiệm thực hiện công tác tuyên tuyền về phòng chống dịch bệnh, an toàn trong lớp học.

Tham gia các nhiệm vụ khác do nhà trường, đoàn thể phân công điều động.

**6. Nhân viên Thư viện, Thiết bị**

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị. Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch bổ sung sách - thiết bị dạy học. Tổ chức Ngày hội đọc sách (về thời điểm? về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức?..) để đảm hiệu quả hoạt động.

Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động. Tham gia các nhiệm vụ khác do nhà trường, đoàn thể phân công điều động.

**7. Các nhân viên khác**

Thực hiện nhiệm vụ theo chuyên môn và sự phân công điều động của nhà trường, đoàn thể. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Phạm Hồng Thái đề nghị các bộ phận nghiên cứu triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh báo cáo Hiệu trưởng giải quyết ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - PGD&ĐT Cư Kuin (b/c);  - UBND xã Ea Bhôk (b/c)  - PHT, TTCM, Giáo viên (t/h);  - Ban ĐDCMHS  (P/h)  - Lưu: VT, Website trường. | **HIỆU TRƯỞNG**      **Phan Thị Điểm** |

**Ý KIẾN PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GDĐT CƯ KUIN**

**Phụ lục 1.1.**

**Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục –năm học 2024-2025 (Phương án 1\*)**

***(Kèm theo KHGD số 12/KH-NT ngày 14/10/2024)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1**  *(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)* | | | **Số tiết lớp 2**  *(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)* | | | | **Số tiết lớp 3**  *(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)* | | | **Số tiết lớp 4**  *(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)* | | | **Số tiết lớp 5**  *(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)* | | | |
| Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | | Tổng | HK 1 | HK2 | |
| 1. **Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | **420** | 216 | 204 | **350** | 180 | 170 | **245** | | 126 | 119 | **245** | 126 | 119 | | **245** | 126 | 119 | |
| 2 | Toán | **105** | 54 | 51 | **175** | 90 | 85 | **175** | | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | | **175** | 90 | 85 | |
| 3 | Ngoại ngữ 1- Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  | **140** | | 72 | 68 | **140** | 72 | 68 | | **140** | 72 | 68 | |
| 4 | Đạo đức | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | | **35** | 18 | 17 | |
| 5 | TNXH | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **0** | 0 | 0 | | **0** | 0 | 0 | |
| 6 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | **70** | 36 | 34 | | **70** | 36 | 34 | |
| 7 | LS & ĐL |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | **70** | 36 | 34 | | **70** | 36 | 34 | |
| 8 | Tin học, Công nghệ |  |  |  |  |  |  | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | | **70** | 36 | 34 | |
| 9 | Kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 10 | Nghệ thuật (ÂN+MT) | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | | **70** | 36 | 34 | |
| 11 | Âm nhạc |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 12 | Mĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 13 | GDTC/Thể dục | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | | **70** | 36 | 34 | |
| 14 | GDTT (*SHL, CC)* (NGLL + GD Stem)1 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 15 | Hoạt động TN (*SHL,CC)*+ HĐTN (GDĐP)2 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** | | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | | **105** | 54 | 51 | |
| Tổng số tiết bắt buộc | | **875** | **450** | **425** | **875** | **450** | **425** | **980** | | **504** | **476** | **1050** | **540** | **510** | | **1050** | **540** | **510** | |
| Số tiết bắt buộc /tuần | | **25** | | | **25** | | | | **28** | | | **30** | | | **30** | | | |
| 1. **Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng dân tộc |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 2 | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 3 | Tin học |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| Tổng số tiết tự chọn | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường *(Số tiết tăng cường của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tăng cường T. Việt3 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **70** | | 36 | 34 |  |  |  | |  |  |  | |
| 2 | Tăng cường Toán3 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| 3 | Tăng cường trải nghiệm– GD Stem4 | **12** | 6 | 6 | **12** | 6 | 6 | **12** | | 6 | 6 | **12** | 6 | 6 | | **12** | 6 | 6 | |
| 4 | TĐTV |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  | |
| Tổng số tiết tăng cường | | **152** | 78 | 74 | **152** | 78 | 74 | **82** | | 42 | 40 | **12** | 6 | 6 | | **12** | 6 | 6 | |
| **TỔNG** | | **1027** | **528** | **499** | **1027** | **528** | **499** | **1062** | | **546** | **516** | **1062** | **546** | **516** | | **1062** | **546** | **516** | |
| **Số tiết dạy trung bình/tuần** | | **29** | | | **29** | | | | **30** | | | **30** | | | **30** | | | |

***Ghi chú:***

*\* Thực hiện dạy trực tiếp 8buổi/ tuần- 29 tiết/tuần*

*\** ATGT + TLHĐ+ + ANQP*+GDĐP lớp 4,5 + Xanh-sạch-khỏe…. Dạy lồng ghép từng nội dung theo tài liệu hứơng dẫn vào các môn học.*

*1. Hoạt động NGLL, kết hợp GD Stem (gom 3, 4 tiết thành 1 buổi riêng theo phụ lục 1.2)*

*2. Hoạt động TN lồng ghép GDĐP ở lớp 1,2,3*

*3.Hoạt động tự học có hướng dẫn*

*4. Tăng cường trải nghiệm: theo lớp, nhóm lớp, toàn trường: gom 3, 4 tiết thành 1 buổi riêng theo phụ lục 1.2, kết hợp GD Stem*

**Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học 2024-2025**

*(Hoạt động NGLL, TC trải nghiệm và Giáo dục Stem- Kèm theo KHGD số 12/KH-NT ngày 14/10/2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | | | **Chủ điểm** | | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Người thực hiện** | **LL cùng tham gia** |
| **Ngày tháng năm** | **Số tiết** |  | |  | |  |  |  | |
| Buổi sáng, thứ 3, Ngày 17/9/2024 | 02 | Ngày hội trăng rằm. | | - Xem múa lân  - Xếp mâm cỗ trung thu  - Tổ chức trò chơi dân gian  - Phát quà trung thu cho học sinh | | Hoạt động theo nhóm lớp toàn trường | BGH, TPT GV, HS | CMHS, Nhà mạnh thường quân. | |
| Buổi sáng, thứ 2, ngày 7/10/2023 | 01 | An toàn cho em | | - Tuyên truyền về tháng An toàn giao thông.  - Hướng dẫn kĩ năng giao thông.  - Hướng dẫn cách phòng chống xâm hại trẻ em, bạo lực học đường. | | Hoạt động tập trung toàn trường  // | BGH, TPT GV, HS  // |  | |
| Buổi sáng, thứ 2  ngày 18/11//2023 | 04 | Biết ơn thầy cô giáo | | - Tìm hiểu truyền thống ngày nhà giáo Việt Nam  - Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 | | Tập trung.  Theo lớp | BGH, TPT GV, HS | Chính quyền địa phương  BĐD CMHS | |
| Buổi sáng, thứ 6,  ngày 20/12//2022 | 04 | Biết ơn bộ đội Cụ Hồ | | - Viếng đài tưởng niệm Liệt sĩ  - Thăm gia đình có công với cách mạng. | | Nhóm HS  Nhóm HS | BGH, TPT GV, HS | Chi đoàn,  Buôn | |
| Buổi sáng, thứ 3,  Ngày 16/1/2024 | 04 | Ngày hội HS-SV Việt Nam | | - Giới thiệu sách mới  - Quyển sách em yêu thích (nói) | | Theo lớp  Toàn trường | BGH, TPT GV, HS | Ban ĐD  CMHS | |
| Buổi sáng, thứ 2  ngày 5/2/2025 | 01 | Mừng Đảng,  mừng Xuân | | Tìm hiểu ngày Thành lập Đảng 3/2  Tìm hiểu truyền thống tết Nguyên Đán | | Tập trung | GV  TPTĐ | Ban ĐD  CMHS | |
| Buổi sáng, thứ 3  ngày 26/3/2025 | 04 | -Tiếnbước lên Đoàn  -Thiếu nhi vui khỏe | | - Tổ chức ngày Hội Stem  - Tìm hiểu về truyền thống Đoàn TNCS  - Kết nạp đội viên  - Tổ chức trò chơi dân gian. | | Tập trung  Toàn trường  HS lớp 3  Đại diện các lớp | ĐTN,  TPTĐ  TPT Đội  TPT Đội | ĐDCMHS | |
| Buổi sáng, thứ 2  ngày 8/4/2025 | 01 | - Hòa bình và hữu nghị | | - Hướng dẫn kĩ năng phòng, chống đuối nước  - Kỹ năng PCCC  - Hướng dẫn trang phục theo mùa | | Tập trung  Tập trung  Nhóm, lớp | GV toàn trường  TPTĐ | Ban ĐD  CMHS | |
| Buổi chiều, thứ 5  ngày 10/5/2025 | 04 | - Nhớ ơn Bác Hồ | | - Tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường  - Ngày hội công nhận Chương trình rèn luyện Đội viên  - Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ | | Tập trung toàn trường  Đại diện | GV toàn trường  TPTĐ  BGH-TPT  Toàn trường | Ban ĐD CMHS | |
|  | 35 | 09 | |  | |  |  |  | |

\* Tổ chức dạy 8 buổi/tuần từ khối 1 đến khối 5, với 29-30 tiết/tuần.

**Phụ lục 1.1 (Điều chỉnh kế hoạch dạy học)**

**Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục –năm học 2024-2025**

***(Kèm theo KHGD số 15/KH-NT ngày 12/10/2024- thực hiện từ tuần )***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1**  ***(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)*** | | | **Số tiết lớp 2**  ***(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)*** | | | **Số tiết lớp 3**  ***(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)*** | | | **Số tiết lớp 4**  ***(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)*** | | | **Số tiết lớp 5**  ***(theo TT 32/2018/TT-BGD ĐT)*** | | |
| Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK1 | HK2 | Tổng | HK 1 | HK2 |
| 1. **Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | **216** | **204** | 350 | **180** | **170** | 245 | **126** | **119** | 245 | **126** | **119** | 245 | 126 | **119** |
| 2 | Toán | 105 | **54** | **51** | 175 | **90** | **85** | 175 | **90** | **85** | 175 | **90** | **85** | 175 | **90** | **85** |
| 3 | Ngoại ngữ 1- Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  | 140 | **72** | **68** | 140 | **72** | **68** | **140** | 72 | **68** |
| 4 | Đạo đức | 35 | **18** | **17** | 35 | **18** | **17** | 35 | **18** | **17** | 35 | **18** | **17** | 35 | **18** | **17** |
| 5 | TNXH | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** |
| 7 | LS & ĐL |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** |
| 8 | Tin học và Công nghệ |  |  |  |  |  |  | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | **70** | 36 | **34** |
| 9 | Kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Nghệ thuật (ÂN+MT) | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | **70** | 36 | **34** |
| 11 | Âm nhạc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Mĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | GDTC/Thể dục | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** | 70 | **36** | **34** |
| 14 | GDTT (SHL, CC*),* (NGLL + GD Stem)1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Hoạt động TN (*SHL,CC )* + HĐTN(GDĐP) 2 | 105 | **54** | **51** | 105 | **54** | **51** | 105 | **54** | **51** | 105 | **54** | **51** | **105** | 54 | **51** |
| Tổng số tiết bắt buộc | | **875** | **450** | **425** | **875** | **450** | **425** | **980** | **504** | **476** | **1050** | **540** | **510** | **1050** | **540** | **510** |
| Số tiết bắt buộc /tuần | | 25 | | | 25 | | | 28 | | | **30** | | | 30 | | |
| 1. **Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng dân tộc thiểu số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tin học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số tiết tự chọn | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường *(Số tiết tăng cường của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | Tăng cường T. Việt 3 | 35 | **18** | **17** | **35** | 18 | **17** | **70** | 36 | **34** |  |  |  |  |  |  |
| **2** | Tăng cường Toán 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | Tăng cường trải nghiệm-GD Stem 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | TĐTV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số tiết tăng cường | | 88 | 54 | 34 | 71 | 54 | 17 | 17 |  | 17 | 17 |  | 17 |  |  |  |
| **TỔNG** | | **963** | **504** | **459** | **946** | **504** | **442** | **997** | **504** | **493** | **1067** | **540** | **527** | **1067** | **540** | **527** |
| **Số tiết dạy trung bình/tuần** | | **26** | | | **26** | | | **30** | | | **30** | | | **30** | | |

***Ghi chú:***

*\* Thực hiện dạy trực tiếp: 7 buổi/ ngày đối với khối 1,2- 26 tiết/tuần ; 8 buổi/tuần-30 tiết/ tuần với lớp 3, 4, 5.*

*\* ATGT + TLHĐ + ANQP + BVMT + GDĐP lớp 4, 5... Dạy lồng ghép từng nội dung theo tài liệu hướng dẫn vào các môn học.*

*1. Hoạt động NGLL, kết hợp GD Stem*

*2 Hoạt động TN lồng ghép GDĐP ở lớp 1,2,3.*

*3 Hoạt động tự học có hướng dẫn*

*4 Hoạt động GD với lớp, nhóm lớp, toàn trường: gom 3, 4 tiết thành 1 buổi riêng theo phụ lục 1.2, kết hợp Giáo dục Stem*